

Số: 36/2018/DS-PT

Ngày: 19/01/2018

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Phạm Kim Cửa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2017/TLPT-DS ngày 19/12/2017 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐ-PT ngày 05/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: 401B ấp A, xã B, TP. C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : Luật sư Trương Văn T – Văn phòng luật sư Trương Văn T – Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Bùi Thế Ph, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ : 155B ấp A, xã B, TP. C, tỉnh Bến Tre.

Ông Ph ủy quyền cho bà Nguyễn Thụy H Thẩm tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2018) (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

3.1 Ông Bùi Tg H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

3.2 Bà Lương Thị Kim L, sinh năm 1955 (có mặt)

Cùng địa chỉ : 155B ấp A, xã B, TP. C, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2016).

3.3 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953 ;

Địa chỉ : 322/29 A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông S có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Bùi Thế Ph

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2017 biên bản hòa giải ngày 29/6/2016, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/7/2016, 06/01/2017, biên bản hòa giải ngày 05/5/2017 và 02/8/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày :

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là một phần của thửa đất số 262, tờ bản đồ số 3, diện tích 114,3m², theo kết quả đo đạc ngày 20/12/2016 gồm thửa đất 262b/63,5m² và thửa đất 262c/50,8m², tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là của bà Trần Thị Hai (mẹ chồng bà Nguyễn Thị Kim H). Năm 1991, bà Hai bị bệnh nên bà Hai cho ông Nguyễn Văn S (con rể) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006, bà Hai từ Úc về Việt Nam sinh sống và ông S giao lại thửa đất lại cho bà Hai. Do bà Hai có quốc tịch nước ngoài nên bà không đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Năm 2009, bà Hai viết di chúc để lại cho vợ chồng bà H, nhưng do chồng bà H là ông Huỳnh Văn Long, sinh năm 1951, hiện đang sinh sống ở Úc, nên ông S L hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất thuộc thửa 262, tờ bản đồ số 03, diện tích 668,4m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm(668,4m²), tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà H được Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/5/2010.

Năm 2006 bà Hai về Bến Tre thuê nhà sinh sống tại phường 5, thị xã Bến Tre. Đến khoảng năm 2008, vợ chồng ông Ph, bà L đến gặp bà Hai để thương lượng phần đất tranh chấp. Năm 2010, bà H rào phần đất này và chuẩn bị cất nhà trên phần đất thửa 262, tờ bản đồ số 3. Khi bà H về sinh sống trên phần đất này, thì bà đã thấy gia đình ông Ph sinh sống trên một phần của thửa đất này. Trong quá trình xây dựng nhà của bà H vào năm 2010, bà phát hiện ông Ph xê dịch hàng rào, nói rộng thêm phần đất phía sau căn nhà của ông Ph. Năm 2012, ông Ph tự nâng nền, sửa chữa lại nhà cửa, lúc này bà gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận khiếu nại sự việc. Năm 2013, Ủy ban nhân dân tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Trong quá trình sử dụng đất vợ chồng ông Ph, bà L liên tục lấn chiếm đất của bà để xây dựng vật kiến trúc trên đất.

Nay bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu Tòa án buộc chồng ông Bùi Thế Ph gồm: ông Bùi Thế Ph, bà Lương Thị Kim L, ông Bùi Tg H phải hoàn trả cho bà toàn bộ diện tích lấn chiếm 114.3m², thuộc thửa 262b và 262c, tờ bản đồ số 3 và di dời toàn bộ vật kiến trúc trên đất thuộc một phần thửa 262 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bà đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông Ph với số tiền 50 triệu đồng. Hiện nay bà Bùi Thị Ngọc Mai (con ông Ph) không

còn sinh sống tại 155B ấp 2, xã Phú Nhuận nên bà không khởi kiện đối với bà Bùi Thị Ngọc Mai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trương Văn T trình bày những căn cứ và Luận như sau :

Ông Bùi Thế Ph nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 262, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre từ ông Nguyễn Văn S rõ ràng là 40m² đồng thời ông Ph cho rằng được ông S cho phần lộ giới đường dẫn vào nhà ông Ph với diện tích 74,3m² nhưng không xác L được bằng văn bản giấy tờ mà chỉ có giấy xác nhận ngày 05/7/2013 của ông S. Năm 2010, tờ thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H người được bà Trần Thị Hai ủy quyền và ông Bùi Thế Ph về nội dung chỉ xác L quyền sử dụng đất 40m² đối với ông Ph được tiếp tục ở và sử dụng, không đề cập có lộ giới. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo đề xuất buộc bị đơn trả giá trị quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng là 74,3m² hoặc bị đơn trả lại quyền sử dụng đất là 114,3m², nguyên đơn trả lại giá trị vật kiến trúc theo đơn giá của Nhà nước và trả lại số tiền 24 triệu đồng phần đất chuyển nhượng lúc ban đầu.

Trong đơn phản tố ngày 17/5/2017, biên bản hòa giải ngày 29/6/2016, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/7/2016, 06/01/2017, biên bản hòa giải ngày 05/5/2017 và 02/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Bùi Thế Ph trình bày :

Năm 2005, ông Bùi Thế Ph có mua của ông Nguyễn Văn S một nền nhà cấp theo lộ cầu nhà Việt (4mx10m = 40m²) do vợ chồng ông ở giữ đất cho ông Nguyễn Văn S 40 năm, khi đo đạc giao đất, ông S có cho ông Ph phần đất lộ giới trước nhà để làm sân và lối đi vào nhà không tính tiền, diện tích khoảng 74m². Phần đất ông S bán cho ông Ph chỉ có 40m² và phần cho 74,3m², tổng cộng 114,3m². Vì diện tích quá nhỏ nên không tách thửa được nên phần đất này còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S. Lúc ông S chuyển nhượng đất, ông Ph có làm giấy tờ thỏa thuận, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận.

Năm 2010, ông Nguyễn Văn S có chia tài sản cho mẹ vợ là bà Trần Thị Hai thửa đất số 262, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.158m², trong đó có 114,3m² phần đất ông Ph nhận chuyển nhượng và phần đất ông S cho ông Ph, tổng cộng 114,3m². Nay, bà Nguyễn Thị Kim H là chủ sử dụng phần đất này, bà yêu cầu ông phải trả 114,3m² mà ông Nguyễn Văn S chuyển nhượng và cho ông, ông không đồng ý trả. Ông Ph yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 114,3m² và xác L quyền sử dụng đất cho ông Ph, vì 114,3m² ông Nguyễn Văn S đã chuyển nhượng và cho ông Ph kèm giấy xác nhận ngày 05/7/2013, ông Nguyễn Văn S cho ông Ph quản lý sử dụng từ năm 2005 đến nay.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị Kim L trình bày :

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì phần đất này tôi đã sống từ năm 1975 đến nay, vì bà đã giữ đất cho ông S quá lâu nên ông S mới chuyển nhượng cho bà phần đất 40m² và cho phần lộ giới, đường đi vào nhà. Khi cho và chuyển nhượng đất đều thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận. Vì tại thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích quá ít nên không làm thủ tục tách thửa được, do đó phần đất của bà nhận chuyển nhượng và được ông S cho vẫn còn nằm trong sổ đỏ của ông S. Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất có diện

tích 114,3m² đối với phần đất mà ông S đã chuyển nhượng cho gia đình bà diện tích 40m² và phần đất ông S đã cho bà, tổng cộng diện tích là 114,3m² thuộc thửa đất số 262b và 262c, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ông Nguyễn Văn S trình bày :

Năm 2005, cha mẹ vợ ông về Việt Nam giải quyết việc đất đai của gia đình. Việc chuyển nhượng đất cho ông Ph với số tiền 24 triệu đồng, người nhận tiền là bà Hai (mẹ vợ), có bà Nguyễn Thị Lệ Nương (chị vợ), ông Long (cH bà H), bà Trần Thị Tuyết chứng kiến, việc giao dịch tiền diễn ra tại nhà bà Tuyết.

Khi bà Hai về Việt Nam, các bên ra công chứng để ông sang tên lại cho bà Hai. Phòng công chứng trả lời bà Hai có quốc tịch nước ngoài nên ông sang tên cho bà H (vợ của ông Long). Khi chuyển nhượng đất cho ông Ph, các bên có làm giấy tờ nhưng phần cho lộ giới để ông Ph có đường đi vào nhà thì không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 136/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án năm 2009;

Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc ông Bùi Thế Ph, bà Lương Thị Kim L và ông Bùi Tg H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H phần diện tích còn lại của thửa đất 262b và 262c, tờ bản đồ số 3, diện tích là 74,3m² bằng giá trị với số tiền 74.300.000 (Bảy mươi bốn triệu, ba trăm ngàn) đồng thuộc một phần thửa 262 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thị Kim H. Thửa đất số 262b và 262c, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có tứ cận như sau :

- Phía Đông giáp thửa đất số 467 và 263;
- Phía Tây giáp thửa đất số 262;
- Phía Nam giáp Lộ cầu Nhà Việc;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 262;

2. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố của ông Bùi Thế Ph, về việc ông Bùi Thế Ph, bà Lương Thị Kim L và ông Bùi Tg H được quyền sử dụng 40m² thuộc một phần thửa đất số 262b, diện tích 63,5m² , tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo luật định.

3. Chi phí đo đạc, định giá bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền là 1.450.500 đ (Một triệu, bốn trăm năm chục ngàn, năm trăm) đồng và đã thanh toán xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017 ông Bùi Thế Ph kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ph, ông Ph không đồng ý trả lại phần đất có diện tích là 74,3m² cho bà H.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía bị đơn vẫn giữ quan điểm kháng cáo, phía nguyên đơn vẫn giữ quan điểm khởi kiện và không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: bà H rút lại yêu cầu đối với phần diện tích $40m^2$, phần diện tích đất còn lại đề nghị ông Ph hoàn trả giá trị bằng tiền mặt cho nguyên đơn như án sơ thẩm đã tuyên do bà H là người đứng tên trong sổ đỏ chứ không phải ông Ph. Trong giấy tờ mua bán chỉ nêu ông S bán cho ông Ph phần đất có diện tích $40m^2$.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: tờ thoả thuận ngày 25/12/2010 xác nhận ông S bán cho ông Ph phần đất có diện tích $40m^2$, không thể hiện phần diện tích $74,3m^2$ như phía ông Ph trình bày. Sau này, ông S có xác nhận ngày 05/7/2013 là có cho ông Ph $74,3m^2$ nhưng lại xác nhận sau ngày các bên xác L hợp đồng mua bán và tờ giấy này không được chứng thực. Do vậy, tờ xác nhận là không có giá trị. Đề nghị HĐXX y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Phần đất tranh chấp có diện tích $114,3m^2$ thuộc thửa số 262b và thửa 262c tờ bản đồ số 3 xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre được UBND thành phố Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H vào ngày 20/5/2010. Bà H cho rằng nguồn gốc đất là của bà Trần Thị Hai tặng cho bà nhưng bị hộ ông Bùi Thế Ph lấn chiếm nên bà yêu cầu hộ ông Ph trả lại cho bà phần diện tích đất trên. Bà H đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông Ph 50.000.000 đồng. Ông Ph, bà L cho rằng năm 2005 ông Ph mua của ông Nguyễn Văn S phần đất có diện tích là $40m^2$ và được ông S tặng cho phần đất trước nhà và lộ giới có diện tích là $74,3m^2$, tổng cộng phần đất của gia đình ông Ph là $114,3m^2$. Ông Ph không đồng ý với yêu cầu của bà H và yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa công nhận phần đất tranh chấp có diện tích $114,3m^2$ và xác L quyền sử dụng đất cho ông Ph.

Ông Ph kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông và ông không đồng ý trả lại phần đất có diện tích là $74,3m^2$ cho bà H, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên đều thừa nhận ông S và ông Ph có thoả thuận mua bán phần đất có diện tích $40m^2$. Khi đó, ông S là người đứng tên quyền sử dụng đất, phần diện tích $74,3m^2$ là phần đất trống giáp lộ giới để đi vào nhà ông Ph. Ông S xác nhận tự nguyện cho ông Ph phần đất này. Như vậy lời trình bày của ông Ph là có căn cứ và thống nhất với lời trình bày của ông S. Bà H cho rằng trong giấy tờ mua bán thì ông S chỉ bán cho ông Ph phần đất có diện tích $40m^2$ nên bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, năm 2010 bà H xây tường rào nhưng bà chỉ xây 03 phía, còn phía giáp đất ông Ph trở ra thì bà không xây. Khi đó, phía bà H đã biết ông Ph sử dụng đất nhưng bà không có ý kiến gì. Tại phiên Tòa phúc thẩm, bà H cho rằng chỉ bà H xây tường rào là để bảo vệ đất. Bà H cũng cho

rằng phần đất tranh chấp là của bà nhưng bà không biết ông Ph xây nhà kiên cố thời gian nào. Do đó, lời trình bày của bà H là không phù hợp với thực tế.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là phù hợp.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đây là vụ án tranh chấp dân sự không có giá ngạch nên bà H phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Ph không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Thế Ph, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Thế Ph.

Ông Bùi Thế Ph, bà Lương Thị Kim L và ông Bùi Tg H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 114,3m² thuộc thửa đất số 262b và 262c tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo luật định.

3. Chi phí đo đạc, định giá bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền là 1.450.500 đồng (Một triệu, bốn trăm năm chục ngàn, năm trăm đồng) và đã thanh toán xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào biên lai thu số 0012284 ngày 09/6/2016 và biên lai thu số 0010940, ngày 13/6/2017, còn lại số tiền 1.557.500 (một triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng), hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Hoàn trả cho ông Bùi Thế Ph số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010827 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Bùi Thế Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Thế Ph số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số

0011432 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông

Phạm Kim Cửa

Nguyễn Kim Tư

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng GDKT;
- Lưu.

Nguyễn Kim Tư